**ĐẠT**

**Phùng Thị Nga**

**Hòm thư:**

**thanhngathuyphu@gmail.com**

**TRƯỜNG THCS NAM TIẾN MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

 **NHÓM NGỮ VĂN 6 MÔN NGỮ VĂN LỚP 7**

 **(Bộ sách Kết nói tri thức với cuộc sống)**

 **Thời gian làm bài: 90 phút**

| **Chương/****chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết**  | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| 1.Đọc – Hiểu | Văn bản nghị luận xã hội | **4**  | **0** | **4**  | **0** | **0** | **2** | **0** | **1**  | 60%6đ |
| 2.Viết | Chọn 1 trong 2 đề1.Viết bài văn nghị luận ( tán thành một ý kiến)2.Viết bài văn kể về một sự việc có liên quan đến nhân vật lich sử | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\***  | **0** | **1** | 40%4đ |
| 3.Tổng câu | **4**  |  | **4**  |  |  | **2**  |  | **1**  | 11 câu |
| 4.Tống điểm | **2đ** |  | **2đ** |  |  | **2đ** |  | **4đ** | 10đ |
| 5.Tỉ lệ% | **20** |  | **20** |  |  | **20** |  | **40** | 100% |

 **B. BẢNG ĐẶC TẢ**

| **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1.Đọc - hiểu**  | - Nhận biết: văn bản bàn luận về vấn đề gì? Bàn luận khía cạnh nào của vấn đề? Cách triển khai vấn đề.- Hiểu: tác hại của thói quen lười biếng, Giải thích nghĩa của cụm từ; cách chuyển hoá nó ra sao? Ý nghĩa của văn bản. **-** Vận dụng: giải thích một ý kiến và nêu một giải pháp đã áp dụng; Nêu nhận thức về một vấn đề. | **4****TN** | **4****TN** | **2****TL** |  |
| **2.Viết:** chọn 1 trong 2 đềĐề 1: Viết bài văn nghị luận ( Trình bày ý kiến tán thành)Đề 2: Viết bài văn kể về một sự việc có liên quan đến nhân vật lich sử | **Nhận biết:****-** Cấu trúc, yêu cầu bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống..- Cấu trúcyêu cầu: bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật lịch sử, **Thông hiểu:**-Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống đúng về nội dung, về hình thức (từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản)- Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật lịch sử, có sử dụng các yếu tố miêu tả; **Vận dụng:**- Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, kết hợp miêu tả và biểu cảm.**Phẩm chất:** -Có trách nhiệm trong việc làm bài kiểm tra; chăm chỉ, thực hiện đúng nội quy lúc làm bài; thể hiện sự tôn trọng những bạn xung quanh. |  |  |  | **1****TL** |
| Số câu/loại câu**Tỷ lệ %** | **4** **20%** | **5** **20%** |  **2****20%** | **1** **40%** |
| **Tỷ lệ chung %** | **60%** |  **40%** |

|  **PHÒNG GD&ĐT PHÚ XUYÊN**  **TRƯỜNG THCS NAM TIẾN**Họ và tên: …………………………Lớp: .……………………………  | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II****MÔN: NGỮ VĂN 7****NĂM HỌC: 2023 - 2024** ***( Thời gian làm bài: 90 phút )*** |
| --- | --- |
|  ***Điểm*** | ***Lời phê của thầy, cô giáo*** |
|  |  |

**I/Đọc (6,0 điểm)** Đọc ngữ liệu và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

**VƯỢT QUA SỰ LƯỜI BIẾNG**

Đã bao nhiêu lần bạn xác định mục tiêu mà không bao giờ bắt tay vào hành động để đạt được mục tiêu đó? Hoặc đã bao nhiêu lần bạn hành động nhưng lại bỏ dở chỉ sau vài ngày đầu?

Tất cả chúng ta đều biết rõ những việc chúng ta nên làm trong cuộc sống như ôn bài cho kỳ thi quan trọng, nhưng vì một lý do nào đó, chúng ta không bao giờ thật sự bắt tay vào làm cho đến khi mọi việc đã quá trễ. Thói quen lười biếng này ảnh hưởng đến hầu hết mọi người chúng ta. Nó đơn thuần ngăn chặn mọi hành động mà chúng ta biết là sẽ mang lại lợi ích cho bản thân.

Lười biếng là nhân tố chính phá hoại sự thành công. Bạn có thể xác định những mục tiêu tuyệt vời nhất và đề ra những kế hoạch hoàn hảo nhất, nhưng nếu bạn không hành động, bạn đã thất bại rồi.

Khi bạn lười biếng, bạn cũng cảm thấy không làm chủ được cuộc sống của mình đúng không? Cảm giác lo sợ nhắn nhủ bạn nên ngừng xem tivi để học bài, nhưng một động lực hấp dẫn khác lại lôi kéo bạn tiếp tục xem thêm một chương trình tivi nữa. Để vượt qua thói quen lười biếng, bạn phải học cách làm chủ nó thay vì để nó làm chủ bạn.

Hai động lực chính thúc đẩy hành động của chúng ta là nỗi khổ và niềm vui. Chúng ta luôn luôn hành động theo hướng né tránh những gì chúng ta nhận thức là nỗi khổ, và tiến gần đến những gì chúng ta nhận thức là niềm vui. Tại sao chúng ta cứ liên tục trì hoãn việc làm bài tập đến phút cuối mặc dù chúng ta biết rằng nên làm bài từ sớm? Đơn giản là vì đa số chúng ta luôn nghĩ việc học rất cực khổ, và ngược lại, gắn liền niềm vui với những việc khác như xem tivi (…)

Bởi thế, chìa khóa để khắc phục tình trạng lười biếng là bạn phải thay đổi những việc bạn gắn liền với nỗi khổ hoặc niềm vui. Bạn phải học cách gắn liền niềm vui với việc học và nỗi khổ với việc lười biếng ngay từ bây giờ

(*Tôi tài giỏi, bạn cũng thế* - Chương 13-*Động lực mạnh mẽ:* *Vượt qua sự lười biếng* -Adam Khoo)

**Câu 1:** Văn bản bàn luận về vấn đề gì?

A.Sự lười biếng. B.Xác định mục tiêu

C.Thay đổi hành động C.Chìa khoá thành công

**Câu 2:** Văn bản bàn luận khía cạnh nào của vấn đề?

A.Biểu hiện của thói quen lười biếng.

B.Tác hại của thói quen lười biếng

C. Nguyên nhân của sự lười biếng

D. Biểu hiện, tác hại, nguyên nhân và cách vượt qua lười biếng.

**Câu 3:** Văn bản thuộc thể loại nào?

A.Nghị luận văn học B.Nghị luận xã hội

C.Văn bản thông tin D.Truyện ngắn.

**Câu 4:** Theo tác giả, thói quen lười biếng ảnh hưởng hầu hết đến chúng ta như thế nào?

A. Ngăn chặn mọi hành động mà chúng ta biết là sẽ mang lại lợi ích cho bản thân.

B. Bạn cũng cảm thấy không làm chủ được cuộc sống của mình

C. Những mục tiêu và kế hoạch không thực hiện được khi bạn không hành động.

D.Cả A, B và C

**Câu 5:** Tác giả làm rõ điều đó bằng lí lẽ hay dẫn chứng?

A. Dùng lí lẽ để phân tích tác hại của sự lười biếng

 B. Dùng dẫn chứng để chỉ ra tác hại của sự lười biếng

C.Kết hợp cả lí lẽ, dẫn chứng để phân tích tác hại của lười biếng

D.So sánh, đối chiếu để chỉ ra tác hại của sự lười biếng.

**Câu 6:** Cách nào hiểu đúng những dòng chữ in đậm*“Để vượt qua thói quen lười biếng,* ***bạn phải học cách làm chủ nó thay vì để nó làm chủ bạn*”?**

A.Con người bị sự lười biếng điều khiển

B.Con người muốn hành động không tự quyết định được

C.Con người trở thành kẻ nô lệ còn sự lười biếng là ông chủ.

D.Con người phải làm chủ bản thân không để sự lười biếng điều khiển và chế ngự.

**Câu 7:** Tác giả dùng biện pháp tu từ nào trong dòng sau và để diễn tả điều gì?

***“****Bởi thế, chìa khóa để khắc phục tình trạng lười biếng là bạn phải thay đổi những việc bạn gắn liền với nỗi khổ hoặc niềm vui*”.

A.Ẩn dụ, mượn hình ảnh chìa khoá là một công cụ để đóng mở ổ khoá.

B.Ẩn dụ, mượn hình ảnh chìa khoá để chỉ ra biện pháp giúp bạn vượt qua sự lười biếng.

C.Hoán dụ, mượn hình ảnh chìa khoá chỉ ra thay đổi trong hành động, suy nghĩ của bạn

D.So sánh, chìa khoá như công cụ để giúp bạn vượt qua sự lười biếng.

**Câu 8:** Dòng nào sau đây không đúng với mục đích của văn bản trên?

A.Nêu rõ biểu hiện của sự lười biếng trong học tập

B.Nguyên nhân của sự lười biếng và cách khắc phục sự lười biếng

C.Giúp học sinh vượt qua sự lười biếng, vượt qua chính bản thân

D.Phê phán một số người lười biếng.

**Câu 9:** Tại sao có một số người, dù cố gắng đến mức nào, cuối cùng họ vẫn quay lại tình trạng lười biếng? Em đề xuất một biện pháp khắc phục?

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

**Câu 10:** Em nhận thức được điều gì từ văn bản?

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Học sinh chọn 1 trong 2 đề sau:

Đề 1: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành).

Đề 2: Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.

 BÀI LÀM

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..…………………………………………………………………………………………………….

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 7**

 Năm học: 2023- 2024

| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **Câu 1- 8: Mỗi câu đúng ( 0,5 điểm)**

| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **ĐA** | **A** | **D** | **B** | **D** | **C** | **D** | **B** | **D** |

 |
| **9** | - Lí giải được 2 hoặc 3 nguyên nhân: Thói quen trì hoãn công việc, không biết tận dụng thời gian, không kiên trì, chăm chỉ; luôn nghĩ học là nỗi khổ…- Nêu được một biện pháp khắc phục  | 0,50,5 |
| **10** | Học sinh có thể nêu 2 – 3 ý cơ bản rút ra từ văn bản:Ví dụ+ Lười biếng đã phá hoại sự thành công+ Nguyên nhân của sự lười biếng xuất phát từ thói quen, hành động của mỗi người…+ Bài học: muốn vượt qua sự lười biếng là cần thay đổi bản thân…+ Học tập cách trình bày ý kiến về một vấn đề …….. | 1,0 |
| **II/Viết** |  | **4,0** |
|  |  | ***1.Viết một bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành).***  |  |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận* | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề:* bàn luận về một vấn đề trong đời sống, theo hướng trình bày ý kiến tán thành.  | 0,25 |
| *c. HS có thể trình bày theo nhiều cách nhưng đảm bảo các yêu cầu sau:* \***MB:** Nêu vấn đề cần bàn và ý kiến quan tâm về vấn đề đó.**\* TB**: Trình bày ý kiến đáng quan tâm- Thể hiện thái độ tán thành các ý kiến vừa nêu bằng các ý:+Ý 1: Khía cạnh thứ nhất cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)+Ý 2: Khía cạnh thứ hai cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)+ Ý 3: Khía cạnh thứ ba cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)**\*KB:** Khẳng định lại ý kiến được người viết tán thành và sự cần thiết của việc tán thành ý kiến đó. | 3 |
|  |  |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
| *e. Sáng tạo*Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. | 0,25 |
|  |  | ***2.Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.*** |  |
|  |  | *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn kể chuyện* | 0,25 |
|  |  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử.* | 0,25 |
|  |  | **Mở bài:**- Nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật lịch sử**Thân bài:**1. Gợi lại bối cảnh chuyện có liên quan đến nhân vật 2. Thuật lại câu chuyện: Bắt đầu - diễn biến - kết thúc.- Sử dụng được một số bằng chứng (tư liệu, trích dẫn,...); kết hợp kể chuyện với miêu tả.3. Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật**Kết bài:**Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về sự việc. | 3 |
|  |  | *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  |  | *e. Sáng tạo*Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng. | 0,25 |
| **Tổng điểm** |  | **10,0** |
|  |  |